

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-05-2022

V/v Tranh chấp xin L hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Sang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp xin L hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1991.

ĐKTT: ấp Phú Thạnh A, xã Nhơn P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên hệ: Mậu T, phường An P, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trần Hữu P**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu vực B, phường An K, quận N, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin L hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Ngọc D trình bày và yêu cầu:

Qua tìm hiểu, chị và anh Trần Hữu P tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó giữa chị và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình cả hai không hòa hợp với nhau, có sự bất đồng về quan điểm sống dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Nay hôn nhân giữa chị và anh P không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hữu P.

Thời gian chung sống giữa chị và anh P có 01 người con chung tên là Trần Ngọc Khánh L (giới tính: nữ) sinh ngày 24/5/2015. Khi L hôn chị mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định thời gian chung sống giữa chị và anh P không có nợ chung hay tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Hữu P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: chị Phạm Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu P với lý do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn; chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Ngọc Khánh L và không yêu cầu cấp dưỡng, nuôi con. Xét thấy, yêu cầu này của chị D là có cơ sở chấp nhận, bởi hồ sơ thể hiện quá trình Tòa án triệu tập các đương sự để giải quyết vụ án, anh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, anh P không đến xem như không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có nhu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D. Về con chung của đương sự: Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không có tranh chấp về con chung, cháu L hiện tại đang sống ổn định với chị D, nên để đảm bảo quyền lợi cho cháu cần tiếp tục

giao cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Ngọc D và anh Trần Hữu P xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Do anh P hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 45L8 tổ 8, khu vực 3, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị D có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc D cho rằng quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Trần Hữu P hiện tại phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có biện pháp hàn gắn, đã không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được L hôn. Xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau; hiện nay mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống L thân từ khi chị D nộp đơn khởi kiện L hôn đến nay; Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải đoàn tụ cho các đương sự nhưng cả chị D và anh P đều không có nhu cầu hàn gắn, hiện hôn nhân giữa anh chị chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Nay chị D cương quyết L hôn, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho chị D, cần chấp nhận đối với yêu cầu ly hôn của chị đối với anh Trần Hữu P.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống giữa chị và anh P có 01 người con chung tên là Trần Ngọc Khánh L (giới tính: nữ) sinh ngày 24/5/2015. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không có tranh chấp về con chung, cháu L hiện tại đang sống ổn định với chị D, nên để đảm bảo quyền lợi cho cháu cần tiếp tục giao cháu L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày thời gian chung sống cả hai không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do giải quyết vắng mặt anh Trần Hữu P nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến về vấn đề này. Trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Ngọc D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Ngọc D đối với anh Trần Hữu P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc D được ly hôn với anh Trần Hữu P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu là Trần Ngọc Khánh L (giới tính: nữ, sinh ngày 24/5/2015) cho chị Phạm Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Hữu P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Trần Hữu P không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Phạm Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 003441 ngày 18/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí phải nộp. Các đương sự đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- Lưu VT;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Bé Hiền